

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: **25/2021/DS-ST**
Ngày 22 – 02 – 2021
(V/việc tranh chấp
hợp đồng vay tài sản)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Sĩ Hùng.
Bà Trần Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Bà Tiết Ánh Hồng - Kiểm sát viên .

Ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 443/2020/TLST-DS, ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T. Địa chỉ: Số 266-268, Nam Kỳ KN, phường U, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức TD – Tổng giám đốc.

Đơn vị được ủy quyền khởi kiện: Ngân hàng T – Chi nhánh Cà Mau.

Do ông Diệp Lâm KP – Giám đốc chi nhánh Cà Mau là đại diện theo giấy ủy quyền số 3977/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng T (về việc Ủy quyền tham gia tố tụng).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương N, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ tín dụng tiêu dùng - Phòng kiểm soát rủi ro theo giấy ủy quyền tham gia tố tụng số 1020/2020/UQ-CNCM ngày 14/10/2020 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Cà Mau về việc uỷ quyền lại tham gia tố tụng (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn N, sinh năm: 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 4, Liên kế 23, VĐ 2, khóm Y, phường X, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện như sau:

Vào ngày 25/4/2017, bà Nguyễn N với Ngân hàng T, chi nhánh Cà Mau (gọi tắt là ngân hàng) có thỏa thuận và ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tại Ngân hàng T, chi nhánh Cà Mau (gọi tắt là ngân hàng) để được cấp thẻ tín dụng. Căn cứ vào thu nhập của bà N, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức giao dịch là 20.000.000 đồng với mục đích là tiêu dùng cá nhân. Bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 113.356.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến tháng 9 năm 2019 bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 107.459.000 đồng bao gồm vốn và lãi của các lần giao dịch. Sau đó thì không thực hiện theo thỏa thuận Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng bà N vẫn không thanh toán. Do bà Nguyễn N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/02/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến thời điểm xét xử là hết ngày 22/02/2021, bà N còn nợ lại ngân hàng số tiền là 36.311.199 đồng, trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng, lãi trong hạn là 10.874.697 đồng, lãi quá hạn là 5.437.233 đồng. Nay ngân hàng yêu cầu bà N phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ trên và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Ngân hàng xác định giữa Ngân hàng và bà Nguyễn N không có ký hợp đồng thế chấp tài sản, không có bên thứ ba bảo lãnh.

Đối với bà Nguyễn N trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập họp lệ song bà N vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các đương sự không nộp thêm tài liệu, chứng cứ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì tất cả đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, Kiểm sát viên cho rằng việc bà N vi phạm hợp đồng đối với ngân hàng là có thật, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 299, 301, 302, 317, 320, 323, 355, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, các Điều 147, 207, điểm b khoản 2, điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng T thuộc lĩnh vực tranh chấp về hợp đồng vay dưới hình thức cấp thẻ tín dụng; bà Nguyễn N là bị đơn, có nơi cư trú cuối cùng tại số 4, Liên kế 23, VĐ 2, khóm Y, phường X, thành phố CM, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt nên

Tòa án không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Nguyễn N theo quy định tại Điều 207 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung của vụ án: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Hợp đồng vay được thể hiện dưới hình thức cấp thẻ tín dụng theo giấy đề nghị của bà Nguyễn N đề ngày 25/4/2017 để cấp thẻ tín dụng với hạn mức 20.000.000 đồng. Đề nghị cấp thẻ có chữ viết và chữ ký của bà Nguyễn N kèm theo sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân và được Công ty cổ phần bê tông Sài Gòn nơi bà N làm việc xác nhận và đề nghị cấp thẻ tín dụng. Bà Nguyễn N cam kết thanh toán vốn và mức lãi suất theo quy định mà Ngân hàng đưa ra. Xét thấy, trong quá trình sử dụng thẻ bà Nguyễn N đã thực hiện giao dịch đối với các thẻ trên và hiện nay dư nợ quá hạn là 36.311.697 đồng, trong đó bao gồm vốn gốc và lãi suất. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu bà Nguyễn N thanh toán nhưng bà Nguyễn N vẫn không thanh toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn bà Nguyễn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn không đến Tòa án cũng không gửi văn bản nêu ý kiến để bảo vệ quyền là lợi ích hợp pháp của mình, mặt khác tại hồ sơ thẻ hiện tất cả các giao dịch của hai bên đều do các bên tự nguyện xác lập và trong quá trình các khoản vay quá hạn ngân hàng cũng đã thông báo cho bà Nguyễn N nhiều lần nhưng bà Nguyễn N vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền trên. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu bà Nguyễn N thanh toán các khoản vay trên cho Ngân hàng.

[4] Tại phiên tòa Ngân hàng xác định giữa Ngân hàng và bà Nguyễn N không xác lập hợp đồng thế chấp tài sản, không có bên thứ ba bảo lãnh khoản nợ vay và không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn N phải nộp theo quy định. Ngân hàng không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Buộc bà Nguyễn N thanh toán số nợ cho Ngân hàng theo giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng đến thời điểm ngày xét xử là hết 22/02/2021 với tổng số tiền 36.311.697 đồng (trong đó: nợ gốc là 20.000.000 đồng, lãi trong hạn là 10.874.464 đồng, lãi quá hạn là 5.437.233 đồng) và tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/02/2021) bà Nguyễn N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán,

theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp, giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: bà Nguyễn N phải nộp số tiền là 1.815.000đ (*Một triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng - chưa nộp*). Ngân hàng T không phải nộp án phí. Vào ngày 21/10/2020, Ngân hàng đã dự nộp 805.000đ (*Tám trăm lẻ năm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000077 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau Ngân hàng được nhận lại khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND thành phố Cà Mau
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn
- Lưu TM (TANDTPCM)

Lê Thúy Dung